

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2022/HS - ST

Ngày: 09/6/2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Ngô Thế Tương

Các Hội thẩm nhân dân : Bà Vũ Thị Thúy và bà Đỗ Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nhật Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:

Bà: Trần Thị Hoàn - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 43/2022/TLST – HS ngày 29 tháng 4 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2022/QĐXXST ngày 26 tháng 5 năm 2022 đối với các bị cáo :

1. Nguyễn Đức C (tức Nguyễn Đình H), sinh ngày 05/11/1988

Nơi cư trú: thôn L, xã N, huyện TH, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn 12/12.; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không. Con ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1964, con bà Tô Thị L, sinh năm 1968. Có vợ Tô Thị X, sinh năm 1992, có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014, đều trú tại thôn L, xã N, huyện TH, tỉnh Thái Bình

Tiền án; tiền sự: Không.

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học đến lớp 12/12, sau đó nghỉ học, lao động tự do.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/12/2021 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình.

2. Thái Trung D; sinh ngày 08/8/1986

Nơi cư trú: thôn V, xã N, huyện TH, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn 9/12.; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không. Con ông Thái Văn B, sinh năm 1949 con bà Vũ Thị L, sinh năm 1951 có vợ là Nguyễn Thị M, sinh năm 1987 có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016 đều trú tại: Thôn V, xã N, huyện TH, tỉnh Thái Bình.

Tiền án; tiền sự: Không.

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học đến lớp 9/12, sau đó nghỉ học, lao động tự do. Ngày 03/02/2016 bị Công an huyện Tiền Hải ra Quyết định số 89/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, bằng hình thức phạt tiền 2.000.000đồng, D đã nộp tiền phạt ngày 03/02/2016.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/12/2021 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình.

3. Nguyễn Thị N, sinh ngày 26/10/1980

Nơi cư trú: thôn C, xã L, huyện TT, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn 12/12.; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không

Con ông Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1957 là bệnh binh; con bà bà Lộ Thị K, sinh năm 1960, chồng là Giang Ngọc T, sinh năm 1978, bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2012 đều trú tại thôn C, xã L, huyện TT, tỉnh Thái Bình

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 21/01/2021 bị Công an huyện Thái Thụy ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 07/QĐ-XPHC ngày 21/01/2021 về hành vi “Đánh nhau” và “Cố ý làm hư hỏng tài sản” bằng hình thức phạt tiền, tổng mức tiền phạt 4.250.000đồng Nhưng đã nộp phạt ngày 26/01/2021.

Nhân thân: Từ nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 12/12 sau đó học Trường Cao đẳng kinh tế kỹ thuật Thái Bình rồi làm kế toán tại Trường tiểu học xã X, Thái Thụy, Thái Bình. Ngày 04/09/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xử phạt 03 năm tù về tội “Giả mạo trong công tác” tại Bản án số 68/2013/HSST. Ngày 05/11/2013 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm xử phạt 02 năm tù về tội

“Giả mạo trong công tác” tại Bản án số 76/2013/HSST, chấp hành xong án phạt tù ngày 26/07/2015 và chấp hành xong phần dân sự của bản án ngày 14/11/2013

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/12/2021 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình.

4. Nguyễn Thị L1, sinh ngày 20/02/1997

Nơi cư trú: thôn P, xã Đ huyện TH, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn 9/12.; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không. Con ông Nguyễn Đức TR, sinh năm 1974, con bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1976, chồng là Trần Văn G, sinh năm 1995 (Đã ly hôn), bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2018, đều trú tại thôn P, xã Đ, huyện TH, tỉnh Thái Bình.

Tiền án; tiền sự: Không.

Nhân thân: Từ nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 09/12 sau đó sau đó nghỉ học, lao động tự do.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/12/2021 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình.

5. Đỗ Kiều A, sinh ngày 03/4/1995

Nơi thường trú: Số nhà 53, ngách 48, ngõ 106 LL, phường LV, quận NQ, thành phố Hải Phòng.

Nơi ở hiện tại: Tổ dân phố NS, thị trấn TH, huyện TH, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn 7/12.; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không. Con ông Đỗ Đình H, sinh năm 1965, con bà Nguyễn Thị L3, sinh năm 1963, bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012 đều trú tại số nhà 53, ngách 48, ngõ 106 đường LL, phường LV, quận NQ, thành phố Hải Phòng.

Tiền án; tiền sự: Không.

Nhân thân: Từ nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 07/12 sau đó sau đó nghỉ học, lao động tự do.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/12/2021 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình.

Người làm chứng:

1. Anh: Giang Ngọc T1, sinh năm 1978.

(Vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn C, xã M, huyện Y, tỉnh Thái Bình

2. Chị: Nguyễn Thị A, sinh năm 1989.

(Vắng mặt)

Nơi cư trú: Cụm 5, xã NT, huyện PT, TP Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 09/12/2021 Nguyễn Đức C cùng Thái Trung D rủ nhau đi hát Karaoke, sử dụng ma túy và thống nhất gọi thêm hai nữ nhân viên đi cùng, tiền hát và sử dụng ma túy chia đều. C điện thoại cho Nguyễn Thị N là quản lý quán Karaoke Thủy Hưng có địa chỉ tại thôn C, xã M, huyện Y, tỉnh Thái Bình để đặt phòng và nhờ N gọi mua hộ 02 viên thuốc lắc và 01 chỉ Ketamine. N đồng ý. C tiếp tục gọi điện thoại cho Nguyễn Thị AN, sinh năm 1989, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Cụm 5, NT, PT, Hà Nội là quản lý quán và nhân viên của quán Karaoke Ngọc Diệp ở tổ dân phố NS, thị trấn TH, huyện TH, tỉnh Thái Bình nói AN cho hai nữ nhân viên đi hát cùng và sẽ đi taxi qua đón. AN đồng ý và gọi điện thoại cho Nguyễn Thị L và Đỗ Kiều A là nhân viên của AN đi hát karaoke cùng C và D. C và D đã bắt taxi đến quán Cafe Ngọc Diệp, ở tổ dân phố NS, thị trấn TH, huyện TH, tỉnh Thái Bình đón L, Kiều A rồi đi đến quán Karaoke Thủy Hưng. Trên đường đi C, D nói về việc sử dụng ma túy nên L, Kiều A biết. Đến quán Karaoke Thủy Hưng, Nhung xếp C, D, L, Kiều A vào phòng P4. Sau đó N điện thoại cho H nhưng N không biết họ, tuổi, địa chỉ nói mang 02 viên kẹo (thuốc lắc), 01 chỉ Ketamine đến cho khách ở quán. H đồng ý. Khoảng 20 phút sau H đến, N chỉ H đến phòng P4. H đi vào phòng P4 nói “ra lấy đồ chị N gọi hộ”. C đi ra ngoài đứng cạnh quầy lễ tân, H đưa cho C 01 túi nilon bên trong có 02 viên thuốc lắc màu xanh, 01 túi nilon có chứa Ketamine và nói giá 3.700.000 đồng. C nhận ma túy, trả tiền cho H rồi mang ma túy vào phòng P4. C bẻ 02 viên thuốc lắc thành 04 nửa để trên lòng bàn tay trái rồi đưa cho mọi người sử dụng. Kiều A lấy 01 nửa viên, L lấy 02 nửa viên rồi đưa cho D 01 nửa viên, L sử dụng 01 nửa viên, 01 nửa viên còn lại C sử dụng. Túi Ketamine C để trong giỏ đựng bánh kẹo trên mặt bàn. Khoảng 30 phút sau C ra khu vực bếp lấy 01 chiếc đĩa sứ màu trắng hình bầu dục mang vào phòng rồi dùng bật lửa ga màu đỏ có sẵn tại phòng đốt giấy hơ nóng mặt dưới đĩa sứ, lấy túi Ketamine

đổ một phần ra mặt đĩa, số Ketamine còn lại C để vào vị trí cũ. C lấy tờ tiền 10.000đồng của C đè lên Ketamine trên mặt đĩa rồi dùng tay ấn cho Ketamine mịn ra. Khi Ketamine mịn, C dùng tờ tiền 10.000 đồng trên cuộn thành ống hút rồi dùng 02 vỏ đầu lọc thuốc lá để cố định ống hút. Sau đó, C dùng ống hút để kẻ Ketamine nhưng không được. L thấy vậy nên hỏi mượn thẻ căn cước công dân của Kiều A. Kiều A nói “thẻ trong túi xách”. L đã mở túi xách của Kiều A lấy thẻ căn cước công dân của Kiều A rồi kẻ Ketamine trên đĩa C vừa chuẩn bị thành các đường rồi bê đĩa Ketamine đi mời Kiều A, D, L sử dụng. Khoảng 01 giờ sau D dùng bật lửa đốt giấy ăn hơi nóng đĩa sứ và lấy túi Ketamine mà C để trong giỏ đựng bánh kẹo trên mặt bàn đổ hết số Ketamine còn lại ra mặt đĩa. Sau đó, D đưa đĩa Ketamine cho L. L dùng thẻ căn cước công dân dằm mịn Ketamine rồi để đĩa Ketamine và thẻ trên mặt bàn để mọi người tự sử dụng. Đến 14 giờ 45 phút cùng ngày tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thái Bình phối hợp với Công an xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy tiến hành kiểm tra hành chính phát hiện tại phòng P4 tầng 1 của quán có Nguyễn Đức C, Thái Trung D, Nguyễn Thị L, Đỗ Kiều A có biểu hiện sử dụng trái phép chất ma túy và thu giữ trên mặt bàn để đồ uống bên phải tính từ cửa vào 01 đĩa sứ hình bầu dục màu trắng, trên mặt đĩa có 01 ống hút được cuốn bằng tờ tiền polyme mệnh giá 10.000đồng được cố định hai đầu bằng 02 vỏ đầu lọc thuốc lá và chất bột màu trắng, C, D, L, Kiều A đều khai đó là ma túy Ketamine chưa sử dụng hết. Công an đã tiến hành niêm phong chất bột màu trắng trên theo quy định; Thu tại mặt bàn, cạnh đĩa sứ 01 bật lửa ga màu đỏ và 01 thẻ căn cước công dân số 031195003424 mang tên ĐỖ KIỀU A. Công an đã tiến hành lập biên bản sự việc và đưa những người có liên quan về trụ sở Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thái Bình để làm việc.

- Tại bản kết luận giám định số 429/KLGĐMT-PC09 ngày 13/12/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận: Mẫu vật gửi giám định là ma túy loại Ketamine, có khối lượng 0,3157 gam (Không phải ba nghìn một trăm năm mươi bảy gam). Ketamine STT: 35, Danh mục III, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 và Nghị định 60/2020/NĐ -CP ngày 29/5/2020 của Chính Phủ

- Tại bản kết luận giám định số 430/KLGĐ-PC09 ngày 13/12/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận: Các mẫu M1, M2, M3, M4 gửi giám định đều tìm thấy sản phẩm chuyển hóa của hai loại ma túy là Ketamine và MDMA.

Mẫu M5 gửi giám định không tìm thấy sản phẩm chuyển hóa của các chất ma túy. Ketamine STT: 35, Danh mục III, MDMA STT: 27, Danh mục I, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 và Nghị định 60/2020/NĐ -CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ .

- Phiếu trả lời kết quả về việc xác định tình trạng nghiện ma túy của Bệnh viện tâm thần- Sở y tế tỉnh Thái Bình đối với các đối tượng H, D, Kiều A, L là chưa xác định nghiện ma túy, chưa đủ tiêu chuẩn đáp ứng nghiện ma túy.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về kết luận giám định nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 47/CT- VKSTT ngày 29 tháng 4 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố các bị cáo C, D, N, L, Kiều A về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy " theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255 Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 (N được hưởng thêm khoản 2) Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt các bị cáo:

Nguyễn Đức C từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/12/2021.

Thái Trung D từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/12/2021.

Nguyễn Thị N từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/12/2021.

Nguyễn Thị L từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/12/2021.

Đỗ Kiều A từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/12/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị Tịch thu tiêu huỷ 0,2696 gam ma túy, loại Ketamine, sau khi lấy mẫu giám định còn lại;

01 đĩa sứ hình bầu dục màu trắng; 02 vỏ đầu lọc thuốc lá; 01 bật lửa ga màu đỏ, đã hết ga

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, vỏ màu đen, đã cũ thu giữ của Nguyễn Đức C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, vỏ màu đen, đã cũ thu giữ của Nguyễn Thị C và tờ tiền tiền polyme mệnh giá 10.000đồng

Trả lại cho Nguyễn Thị C 01 túi xách màu đen đã cũ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu xám, đã cũ

Trả lại cho Đỗ Kiều A 01 túi xách màu trắng đã cũ, 01 giấy Căn cước công dân số 031195003424 mang tên Đỗ Kiều A và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, vỏ màu hồng, đã cũ

Trả lại cho Thái Trung D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu đen, đã cũ

Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm

Các bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố, việc đưa các bị cáo ra xét xử là đúng người, đúng tội, không oan sai.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, các bị cáo nói lời sau cùng: Rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau :

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Người chứng kiến vắng mặt nhưng tại giai đoạn điều tra họ đã có lời khai đầy đủ lưu trong hồ sơ vụ án nên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án

[3]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa và trong quá trình điều tra, truy tố phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người chứng kiến, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản quản lý niêm phong vật chứng, bản kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án

[4]. Như vậy đủ căn cứ để xác định: Hồi 14 giờ 45 ngày 09/12/2021, tại quán karaoke Thủy Hưng thuộc C, xã L, huyện Y, tỉnh Thái Bình, Nguyễn Đức C cùng với Thái Trung D, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị L, Đỗ Kiều A đã có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy bị tổ công tác phòng Cảnh sát điều tra tội phạm ma túy Công an tỉnh Thái Bình phối hợp với Công an xã Mỹ Lộc phát hiện. Công an kiểm tra thu giữ trong phòng hát 01 đĩa sứ hình bầu dục màu trắng, trên mặt đĩa có 01 ống hút được cuốn bằng tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng được cố định hai đầu bằng 02 vỏ đầu lọc thuốc lá và 0,3157 gam ma túy, loại Ketamine, 01 bật lửa ga màu đỏ và 01 thẻ căn cước công dân số 031195003424 mang tên Đỗ Kiều A. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tác hại của ma túy do nhà nước độc quyền quản lý, nhưng vẫn thực hiện hành vi tổ chức sử dụng, thể hiện sự coi thường pháp luật. Do vậy, hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự. Do đó cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 255. Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

“1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

b) Đối với 02 người trở lên;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”

[5]. Xét vai trò của các bị cáo thì thấy: Đây là vụ đồng phạm giản đơn, các bị cáo tiếp nhận ý chí của nhau không có sự phân công, phân nhiệm một cách cụ thể rõ ràng.

Bị cáo C là người khởi xướng, thuê địa điểm sử dụng, là người chuẩn bị dụng cụ sử dụng ma túy, trực tiếp đưa ma túy cho các bị cáo sử dụng nên giữ vai trò chính; bị cáo D biết và đồng ý cùng C tổ chức sử dụng trái phép ma túy, là người trực tiếp đổ ma túy Ketamin ra đĩa; bị cáo N biết mục đích C nhờ mua ma túy và đã mua ma túy Ketamine, MDMA để cho các bị cáo sử dụng nên D, N giữ vai trò thứ hai. Bị cáo L là người trực tiếp đưa MDMA cho D, là người mài Ketamin cho mọi người sử dụng; bị cáo Kiều A biết việc L mượn thẻ căn cước để mài Ketamin đã đồng ý cho L mượn nên L và A giữ vai trò thứ ba và thứ tư trong vụ án

[6]. Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý nhà nước về chất ma túy, gây ảnh hưởng đến sức khỏe và sự phát triển lành mạnh của nòi giống, làm khánh kiệt về kinh tế, là nguyên nhân gây ra nhiều tệ nạn cho xã hội. Bị cáo N là người có nhân thân xấu, từng bị kết về tội "Giả mạo trong công tác" và có một tiền sự về hành vi đánh nhau và cố ý làm hư hỏng tài sản, bị cáo D đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc. Vì vậy cần thiết phải quyết định một hình phạt tù, cách ly tất cả các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo N có bố đẻ là bệnh binh nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6]. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo lao động tự do, không có thu nhập ổn định, hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 255 Bộ luật hình sự.

[7]. Đối với người đàn ông tên H là người bán trái phép ma túy cho Nguyễn Đức C ngày 09/12/2021, theo lời khai của Nguyễn Thị N còn được gọi bằng tên “D”, ở Chợ Lục thuộc xã Thái Xuyên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Cơ quan điều tra đã xác minh tại Công an xã Thái Xuyên nhưng không đủ căn cứ để xác định con người cụ thể. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình đã ra Lệnh thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm số 15 ngày 21/12/2021 đối với số thuê bao 0918.965.517 (N khai là số điện thoại của H). Tuy nhiên Tổng Công ty hạ tầng mạng Vinaphone chưa

có văn bản trả lời. Nên cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

[8]. Đối với Nguyễn Thị A là quản lý của Nguyễn Thị L, Đỗ Kiều A, quá trình điều tra xác định Nguyễn Đức C không cho AN biết mục đích C thuê hai nhân viên nữ do AN quản lý để đi sử dụng ma túy cùng với C, D nên AN đã bảo Lâm, Kiều A đi với C. Do đó cơ quan Cảnh sát điều tra không đặt vấn đề xử lý với AN là phù hợp.

[9]. Đối với Giang Ngọc T1, sinh năm 1978, trú tại thôn C, xã L, huyện Y, tỉnh Thái Bình là người đứng tên trong giấy phép đăng ký kinh doanh quán Karaoke Thủy Hưng, đăng ký từ năm 2017 đến nay. Căn cứ tài liệu điều tra thu thập được xác định Thủy để vợ là Nguyễn Thị N một mình quản lý quán và thực hiện việc kinh doanh, T không biết và quản lý hoạt động gì của quán. Ngày 09/12/2021 việc các đối tượng trên thuê phòng hát Karaoke tại phòng P4 của quán sau đó sử dụng trái phép chất ma túy T không biết, nên cơ quan Cảnh sát điều tra không đặt vấn đề xử lý với T

[9]. Về xử lý vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã quản lý và thu giữ 0,3157 gam ma túy, loại Ketamine, sau khi lấy mẫu giám định còn lại 0,2696 gam; 01 đĩa sứ hình bầu dục màu trắng; 01 ống hút được cuốn bằng tờ tiền polyme mệnh giá 10.000đồng được cố định hai đầu bằng 02 vỏ đầu lọc thuốc lá; 01 bật lửa ga màu đỏ, đã hết ga; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, vỏ màu đen, đã cũ (quản lý của Nguyễn Đức C); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, vỏ màu đen, đã cũ (quản lý của Nguyễn Thị N), xét thấy đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước và tịch thu tiêu hủy

Đối với những vật chứng là: 01 túi xách màu đen đã cũ quản lý của Nguyễn Thị L; 01 túi xách màu trắng đã cũ quản lý của Đỗ Kiều A; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu xám, đã cũ (quản lý của Nguyễn Thị L); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, vỏ màu hồng, đã cũ (quản lý của Đỗ Kiều A); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu đen, đã cũ (quản lý của Thái Trung D), xét thấy những vật chứng trên không liên quan đến việc phạm tội nên cần tuyên trả lại cho các bị cáo

Ngoài ra, cơ quan điều tra còn quản lý của Kiều A 01 giấy Căn cước công dân số 031195003424 mang tên Đỗ Kiều A, xét thấy vật chứng trên tuy dùng vào việc

phạm tội (dùng mài ma túy) nhưng gắn với quyền nhân thân của bị cáo A nên cần tuyên trả lại cho bị cáo A.

[10]. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1.Tuyên bố:

Các bị cáo Nguyễn Đức C (tên gọi khác Nguyễn Đình H), Thái Trung D, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị N, Đỗ Kiều A phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy "

2.Về hình phạt:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255 Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 (Nhưng được hưởng thêm khoản 2) Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức C 08 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/12/2021.

Xử phạt bị cáo Thái Trung D 07 năm 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/12/2021.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 07 năm 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/12/2021.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 07 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/12/2021

Xử phạt bị cáo Đỗ Kiều A 07 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/12/2021

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 255 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo

3.Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ 0,2696 gam ma túy, loại Ketamine, sau khi lấy mẫu giám định còn lại; 01 đĩa sứ hình bầu dục màu trắng; 02 vỏ đầu lọc thuốc lá; 01 bát lửa ga màu đỏ, đã hết ga

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, vỏ màu đen, đã cũ thu giữ của Nguyễn Đức C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu

Samsung, vỏ màu đen, đã cũ thu giữ của Nguyễn Thị N và tờ tiền tiền polyme mệnh giá 10.000đồng

Trả lại cho Nguyễn Thị L 01 túi xách màu đen đã cũ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu xám, đã cũ

Trả lại cho Đỗ Kiều A 01 túi xách màu trắng đã cũ, 01 giấy Căn cước công dân số 031195003424 mang tên Đỗ Kiều A và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, vỏ màu hồng, đã cũ

Trả lại cho Thái Trung D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu đen, đã cũ

(Tất cả những vật chứng đã nêu trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữ cơ quan công an và Chi cục thi hành án huyện Thái Thụy ngày 05 tháng 5 năm 2022)

4.Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; NQ 326/2016/UBTVQH 14 về Án phí, Lệ phí Tòa án

Các bị cáo Nguyễn Đức C, Thái Trung D, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị N, Đỗ Kiều A, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm .

5. Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thái Thụy
- VKSND tỉnh TB
- TAND tỉnh TB
- Chi cục THA huyện Thái Thụy
- TAND tỉnh TB
- Nhà tạm giữ CA Thái Thụy
- Trại giam CA tỉnh TB
- Bị cáo
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thế Tương